



Original Article

Compensation Liability in the Product Liability Law in the Context of New Requirements of the Era

Nguyen Thi Phuong Cham*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 5 July 2022

Revised 18 February 2023; Accepted 6 March 2023

Abstract: Along with the progress of science and technology development, especially in the context of the Industrial Revolution 4.0, the liability of manufacturers to compensate for damage caused by product defects has once again become a controversial topic. The identification of legal issues regarding product liability in the new era will highlight the challenges that the Vietnamese legal framework will face. This article focuses on analyzing some legal issues, including i) the subjects who compensate for damage, ii) the principals of liability for damage compensation, iii) the conditions for establishing liability for damage compensation, and iv) the mechanism of exemption from liability of the Vietnamese legal system on product liability. Thereby the article assesses existing obstacles and the need for modification to respond to the inevitable movement of society.

Keywords: Tort law, product liability, civil liability.

* Corresponding author.

E-mail address: chamnguyen1706@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4473>

Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo pháp luật trách nhiệm sản phẩm trước yêu cầu mới của thời đại

Nguyễn Thị Phương Châu*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 7 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 2 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 3 năm 2023

Tóm tắt: Cùng với tiến trình phát triển khoa học công nghệ đặc biệt trong bối cảnh của Cách mạng Công nghiệp 4.0, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà sản xuất đối với những khuyết tật của sản phẩm gây ra một lần nữa trở thành chủ đề gây tranh luận. Việc nhận diện các vấn đề pháp lý xoay quanh trách nhiệm sản phẩm trước yêu cầu của thời đại sẽ chỉ ra những thách thức mà khung pháp lý Việt Nam phải đối diện trong tương lai. Bài viết tập trung phân tích các vấn đề về: i) chủ thể, ii) nguyên tắc của trách nhiệm bồi thường thiệt hại, iii) điều kiện xác lập trách nhiệm bồi thường thiệt hại, iv) cơ chế miễn trừ trách nhiệm của hệ thống pháp luật Việt Nam về trách nhiệm sản phẩm hiện hành. Qua đó, bài viết luận giải những vướng mắc tồn tại, nhu cầu cải cách pháp luật để đáp ứng với sự vận động tất yếu của xã hội.

Từ khóa: Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; trách nhiệm sản phẩm; trách nhiệm dân sự.

1. Vị trí và mục đích của Luật trách nhiệm sản phẩm

1.1. Mối quan hệ giữa luật chung và luật riêng trong hệ thống pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (TNBTTHNHD) là khái niệm được xây dựng dựa trên hành vi bất hợp pháp. Đây là chế tài luật định đối với chủ thể pháp luật dân sự với tư cách là hậu quả pháp lý được quy thuộc cho chủ thể khi thực hiện hành vi xâm hại quyền tài sản, quyền nhân thân (quyền và lợi ích hợp pháp) của chủ thể khác. TNBTTHNHD có những đặc điểm pháp lý sau khi phân biệt với TNBTTH dựa trên hợp đồng:

Thứ nhất, TNBTTHNHD là hậu quả pháp lý mà pháp luật quy định khi thấy rằng chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ mang tính luật¹ [1]. Nói cách khác, việc vi phạm những nghĩa vụ luật ngầm định sẽ dẫn tới TNBTTHNHD.

Thứ hai, TNBTTHNHD với điều kiện cần là tồn tại hành vi bất hợp pháp. Do vậy, không có hành vi bất hợp pháp không thể xác lập TNBTTHNHD đối với chủ thể pháp luật dân sự. Mục đích hình thành TNBTTHNHD là do pháp luật dân sự xem loại trách nhiệm này như một hình phạt đối với những hành vi bất hợp pháp và qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác khi gánh chịu những thiệt hại do hành vi bất hợp pháp gây ra (bù đắp thiệt hại về tài sản và tinh thần).

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: chamnguyen1706@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4473>

¹ Nghĩa vụ dân sự của chủ thể pháp luật bao gồm nghĩa vụ luật định và nghĩa vụ theo hợp đồng. “Tồn tại rất nhiều nghĩa vụ trong pháp luật về BTTHNHD được xây dựng chỉ

dựa trên đặc tính tốt đẹp của luật và không phải được thiết lập sẵn bởi các bên trong quan hệ dân sự. Luật quy định trách nhiệm của chủ thể trong pháp luật về BTTHNHD như không được bồi nhọ danh dự nhân phẩm của người khác, không được xâm phạm tài sản của người khác,...”.

Thứ ba, trong mối tương quan so sánh với trách nhiệm bồi thường thiệt hại (TNBTTH) dựa trên hợp đồng, TNBTTHNHĐ là trách nhiệm dân sự độc lập, riêng rẽ mang đặc tính cưỡng chế mạnh của pháp luật dân sự. Khác với trách nhiệm dân sự phát sinh từ hợp đồng dựa trên bản chất thoả thuận của các bên, TNBTTHNHĐ dựa trên pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (BTTHNHĐ). Do vậy, về hình thức loại trách nhiệm này được quy định tại Bộ luật Dân sự (BLDS) và tại các luật chuyên ngành như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Chất lượng hàng hoá, Luật An toàn thực phẩm,... [2]. Và nếu nhìn dưới góc độ nội dung, pháp luật được quy định bởi cấu trúc phần chung và phần riêng. Phần chung và phần riêng được xây dựng khác nhau về nội dung như: chủ thể có TNBTTHNHĐ, nguyên tắc của TNBTTHNHĐ, điều kiện xác lập TNBTTHNHĐ, cơ chế miễn trừ TNBTTHNHĐ, bởi mục đích khác nhau của các quy định pháp luật này. Mục đích của phần chung hướng tới điều chỉnh các hành vi bất hợp pháp dưới dạng thức tổng quát, toàn diện áp dụng chung đối với mọi chủ thể pháp luật dân sự, trong khi đó phần riêng hướng tới điều chỉnh hành vi cụ thể, đặc định hoá chủ thể có TNBTTH cũng như chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do vậy, phần chung về TNBTTHNHĐ được xây dựng trên nguyên tắc trách nhiệm dựa trên lỗi², và bị đơn (người gây hại) có thể miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp chứng minh được do sự cố ý của người bị hại, do lỗi của người thứ ba, trong tình thế cấp thiết hoặc phòng vệ chính đáng. Trong khi đó, TNBTTHNHĐ tại phần riêng được xây dựng với mục đích phần lớn nghiêng về chính sách công bởi một thể chế lập pháp độc lập thông qua các luật chuyên ngành bên cạnh các quy định riêng về TNBTTHNHĐ tại BLDS. Qua đó, TNBTTH được quy định ở luật chuyên ngành là trách nhiệm nghiêm ngặt, trách nhiệm không dựa trên lỗi, và để giảm cũng như miễn trừ TNBTTH phải dựa trên quy định của luật đặc định [2]. Pháp luật về trách nhiệm sản phẩm được xem là một trong các lĩnh vực chuyên ngành thuộc phần riêng trong mối tương

quan so sánh với phần chung được quy định tại BLDS.

1.2. Phạm vi chủ thể được bảo vệ thông qua pháp luật trách nhiệm sản phẩm

Trong hệ thống pháp luật của một số nước, bên cạnh chế định Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, còn có pháp luật về trách nhiệm sản phẩm. Luật trách nhiệm sản phẩm bảo vệ chủ thể (người bị hại) với một phạm vi rất rộng. Chủ thể có thể yêu cầu nhà sản xuất BTTHNHĐ trong trường hợp khuyết tật của sản phẩm gây thiệt hại về người và tài sản không chỉ giới hạn trong phạm vi người tiêu dùng mà bao gồm cả người thứ ba. Vì vậy, người thứ ba có quyền yêu cầu nhà sản xuất BTTHNHĐ trong trường hợp sản phẩm có khuyết tật [3]. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam không xây dựng luật chuyên ngành về trách nhiệm sản phẩm, các quan hệ giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng được điều chỉnh tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 (Luật BVQLNTD), Luật Chất lượng hàng hoá 2008 (Luật CLHH),... Và phạm vi chủ thể có quyền yêu cầu BTTHNHĐ được minh thị rõ ràng đó là người tiêu dùng (người sử dụng) không bao gồm người thứ ba. Như vậy có thể khẳng định pháp luật Việt Nam không công nhận cho người thứ ba yêu cầu nhà sản xuất BTTHNHĐ một cách trực tiếp thông qua pháp luật liên quan đến trách nhiệm sản phẩm. Nói cách khác, phạm vi chủ thể được bảo vệ thông qua pháp luật trách nhiệm sản phẩm của Việt Nam chỉ giới hạn ở người tiêu dùng.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà sản xuất đối với người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam

2.1. Một số vấn đề tồn tại trong pháp luật thực định Việt Nam

Với mục đích bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật BTTHNHĐ công nhận cho người tiêu dùng

² Điều 1382 BLDS Pháp, khoản 1 Điều 823 BLDS Đức, Điều 709 BLDS Nhật Bản.

(người sử dụng) sản phẩm, hàng hoá, yêu cầu nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà nhập khẩu BTTHNHD nếu sản phẩm có khuyết tật và gây ra thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản,... đối với người sử dụng.

Người sử dụng sản phẩm có thể bảo vệ quyền và lợi ích của mình dựa trên các quy định pháp luật liên quan về trách nhiệm sản phẩm để yêu cầu nhà sản xuất BTTHNHD. Như đã trình bày ở trên, Việt Nam không có Luật chuyên ngành quy định về trách nhiệm sản phẩm, những căn cứ pháp luật này nằm rải rác trong các văn bản pháp luật như: Luật BVQLNTD, Luật CLHH. Tuy nhiên, giữa các văn bản pháp luật nói trên mâu thuẫn nhau về điều kiện xác lập TNBTTH. Và thậm trí trong cùng một văn bản pháp luật có thể gây ra các cách lý giải khác nhau về điều kiện cấu thành TNBTTH.

Có thể thấy các quy định tại Luật BVQLNTD và Luật CLHH có sự xung đột nhau về điều kiện xác lập TNBTTHNHD của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và nhà phân phối đối với người tiêu dùng. Trong khi quy định tại Luật BVQLNTD chỉ ra rằng nguyên tắc của BTTHNHD trong trường hợp này là nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt, ngược lại, quy định tại Điều 61 Luật CLHH lại khẳng định nguyên tắc trách nhiệm dựa trên lỗi.

Bên cạnh đó, nội dung các quy định tại Luật BVQLNTD cũng tồn tại những xung đột mà thể hiện kỹ năng lập pháp non kém của Việt Nam khi thiếu sự đồng bộ hoá quy định của Luật.

Về lý luận khoa học thì dựa trên tiêu chí yếu tố lỗi, TNBTTHNHD được phân loại như sau:

+ TNBTTH dựa trên lỗi (nghĩa vụ chứng minh tồn tại yếu tố lỗi thuộc về người bị hại - nguyên đơn).

+ TNBTTH chuyển giao nghĩa vụ chứng minh lỗi (suy đoán lỗi) hay còn gọi là trách nhiệm trung gian giữa trách nhiệm dựa trên lỗi và trách nhiệm không dựa trên lỗi (bị đơn trong trường hợp chứng minh mình không có lỗi sẽ không xác lập TNBTTHNHD).

+ TNBTTH dựa trên trách nhiệm nghiêm ngặt (TNBTTH không dựa trên lỗi, song không phải hoàn toàn bỏ yếu tố lỗi vì vẫn tồn tại song

song quy định miễn trừ trách nhiệm dựa trên lý thuyết rủi ro phát triển).

+ TNBTTH không dựa trên lỗi (trách nhiệm tuyệt đối).

Với quy định tại Điều 23 Luật BVQLNTD, và dẫn chiếu Điều 24 Luật BVQLNTD, có thể khẳng định pháp luật Việt Nam đồng bộ với pháp luật các nước trên cơ sở nhìn nhận trách nhiệm của nhà sản xuất là trách nhiệm nghiêm ngặt. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 42 Luật BVQLNTD phá vỡ những nhận định trên bởi quy định “nghĩa vụ chứng minh không có lỗi thuộc về nhà sản xuất”. Việc quy định “nghĩa vụ chứng minh không có lỗi” đối với nhà sản xuất nhưng không có giải pháp pháp lý của luật kèm theo dẫn đến một câu hỏi: Vậy TNBTTHNHD quy định tại Luật BVQLNTD là TNBTTHNHD dựa trên lỗi nhưng chuyển giao nghĩa vụ chứng minh yếu tố lỗi (suy đoán lỗi) và hậu quả pháp lý là khi nhà sản xuất chứng minh mình không có lỗi sẽ không xác lập TNBTTHNHD, hay đây là TNBTTHNHD dựa trên trách nhiệm nghiêm ngặt theo Điều 23, 24 Luật BVQLNTD và việc chứng minh không có lỗi của nhà sản xuất chỉ có ý nghĩa trong việc xác định thiệt hại.

Có thể thấy, Điều 42 quy định về nghĩa vụ chứng minh liên quan đến lỗi dẫn tới sự mâu thuẫn về cách lý giải yếu tố lỗi trong TNBTTHNHD của pháp luật về trách nhiệm sản phẩm Việt Nam.

2.2. Các thách thức đặt ra đối với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo luật trách nhiệm sản phẩm trước yêu cầu mới của thời đại

Ngay cả các nước có nền khoa học pháp lý hàng đầu cùng với hệ thống luật BTTHNHD trong đó có Luật trách nhiệm sản phẩm với tư cách là luật chuyên ngành được xây dựng khá hoàn thiện cũng đối mặt những thách thức hoàn thiện, sửa đổi pháp luật trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Với những quy định khiêm tốn được quy định tại Điều 23, 24, 25, 26, 42 Luật BVQLNTD, Mục 2 chương 5 Luật CLHH, có thể khẳng định các quy định trên không thể trở thành nền tảng pháp lý căn bản trong các vấn đề giải quyết tranh chấp liên quan

đến BTTHNHĐ giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng trước nhu cầu mới của thời đại.

- Về chủ thể có TNBTTHNHĐ

Khi áp dụng quy định của luật liên quan đến BTTHNHĐ dựa trên trách nhiệm sản phẩm, nhà sản xuất sản phẩm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi sản phẩm có khuyết tật (Điều 23 Luật BVQLNTD). Tuy nhiên, chủ thể gánh chịu TNBTTHNHĐ trong trường hợp sản phẩm có gắn trí tuệ nhân tạo (AI) là vấn đề mà pháp luật liên quan về BTTHNHĐ hiện hành chưa tiên liệu. Cụ thể, việc xác định chủ thể có TNBTTH là ai? Nhà lập trình, thiết kế AI, hay nhà sản xuất chế tạo máy (robot) có sử dụng chương trình, thiết kế AI trong trường hợp AI có khuyết tật là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại cho người tiêu dùng? Ngay cả đối với luận giải cho rằng, trường hợp sản phẩm có gắn AI được hiểu tất cả các chủ thể bao gồm nhà sản xuất chế tạo máy, nhà thiết kế lập trình AI phải liên đới chịu TNBTTH thì cũng đặt ra không ít khó khăn khi xác định tỉ lệ chịu TNBTTH giữa các chủ thể này?

Khẳng định việc tồn tại nhiều chủ thể có TNBTTH đối với các sản phẩm ra đời trong bối cảnh cách mạng 4.0 chưa được tiên liệu và điều chỉnh bởi pháp luật hiện hành về trách nhiệm sản phẩm, do vậy việc xác định chủ thể có TNBTTH, cũng như mối quan hệ giữa các chủ thể này được xác định dựa trên tiêu chí ra sao khi áp dụng TNBTTHNHĐ là một trong các vấn đề pháp lý quan trọng cần phải bàn luận trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật pháp luật BTTHNHĐ trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0.

- Về điều kiện xác lập TNBTTHNHĐ

Trách nhiệm sản phẩm là TNBTTH dựa trên trách nhiệm nghiêm ngặt, người sử dụng sản phẩm không có nghĩa vụ chứng minh lỗi, nhưng phải có nghĩa vụ chứng minh các điều kiện sau:

+ Một là, sản phẩm (hàng hoá) có khuyết tật, và khuyết tật phải được tồn tại 1 trong 3 dạng thức: khuyết tật trong quá trình chế tạo, khuyết tật trong quá trình thiết kế, khuyết tật trong chỉ dẫn cảnh báo;

+ Hai là, có thiệt hại;

+ Ba là, tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa khuyết tật của sản phẩm và thiệt hại.

Trong đó, khuyết tật do chế tạo là trách nhiệm không lỗi [4]. Về trách nhiệm BTTHNHĐ của nhà sản xuất do khuyết tật chế tạo không liên quan đến có tồn tại lỗi của nhà sản xuất hay không, nhà sản xuất phải gánh chịu TNBTTH. Trái lại, khuyết tật do thiết kế, thường kết hợp với khuyết tật đưa ra khuyến cáo, chỉ dẫn của nhà sản xuất, có nghĩa là cho dù thiết kế của sản phẩm không được hoàn thiện có khuyết tật nhưng nhà sản xuất đã đưa ra cảnh báo, chỉ dẫn đối với người tiêu dùng thì nhà sản xuất không phải gánh chịu TNBTTHNHĐ. Do vậy dưới góc nhìn khoa học pháp lý, khi nhà sản xuất đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cảnh báo, chỉ dẫn thì cho dù sản phẩm có khuyết tật trong thiết kế cũng không phải gánh chịu TNBTTHNHĐ. Ở phương diện với các lý giải trên, có quan điểm cho rằng đối với khuyết tật trong thiết kế là trách nhiệm dựa trên lỗi (khi vi phạm nghĩa vụ cảnh báo, chỉ dẫn) [5].

Vậy với sản phẩm công nghệ cao, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra những thách thức mới đối với người tiêu dùng. Đối với sản phẩm có gắn AI, khuyết tật của AI được xem là khuyết tật chế tạo hay khuyết tật thiết kế. Chưa nói đến đối với một sản phẩm sử dụng công nghệ cao có gắn AI, việc xác định khuyết tật thuộc về bộ phận cơ (chế tạo máy) hay thuộc về bộ phận lập trình AI đã là điều rất khó đối với một người sử dụng thông thường. Khó khăn hơn nữa là sản phẩm có gắn AI ngày càng đa dạng, phong phú để đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội. Ô tô tự lái có sử dụng AI có thể gây tai nạn giao thông do thao tác của AI bị nhầm lẫn trong quá trình thu thập dữ liệu tự học và tự vận hành. Và ngay cả khi nói thao tác AI nhầm lẫn, cũng có rất nhiều tình trạng dẫn đến AI nhầm lẫn như: trong việc phán đoán liên quan đến tình trạng giao thông do doanh nghiệp thu thập dữ liệu (Big data) mắc sai sót, cùng với phán đoán nhầm lẫn dẫn đến thực hiện hành vi sai và gây ra hậu quả tai nạn. Trong viễn cảnh khác, AI nhận diện không đúng tình trạng đang ở trạng thái mức vượt quá khả năng điều khiển của mình và không trả lại sự điều khiển cho người lái xe. Trường hợp tiếp theo đó là phát sinh tình trạng giao thông đặc biệt mà không

được dự liệu trước trong khi lập trình, thiết kế AI, AI không thể phán đoán, xử lý và gây ra tai nạn. Hoặc trong nhiều trường hợp cũng giống như ô tô tự lái như vệ tinh sử dụng AI được dùng để chụp ảnh hoặc vận chuyển hàng hoá, nhưng do phán đoán sai vệ tinh rơi gây thiệt hại cho người và tài sản,... Công ty sản xuất được phẩm hoặc các thiết bị y tế kí hợp đồng đặt một công ty chế tạo thiết kế robot, sau đó công ty chế tạo robot kí hợp đồng với một công ty chế tạo AI thiết kế chương trình AI để lắp đặt cho robot. Trong quá trình sử dụng, AI có thể mắc lỗi sản xuất được phẩm hoặc các thiết bị y tế gây thiệt hại tới sức khoẻ và tài sản của người tiêu dùng....

Từ một vài trường hợp sản phẩm có sử dụng AI ở trên đã thấy rõ mức độ AI rất khác nhau. Vậy nếu xác định nhà sản xuất có nghĩa vụ cung cấp thông tin cảnh báo, chỉ dẫn đối với khuyết tật thiết kế và khi thực hiện nghĩa vụ đầy đủ thì cho dù trong thiết kế có khuyết tật, nhà sản xuất cũng không phải chịu TNBTTH. Song nghĩa vụ cung cấp thông tin đưa ra cảnh báo, chỉ dẫn như thế nào đối với AI cao cấp đến AI trung cấp, sơ cấp được xem là nhà sản xuất thực hiện nghĩa vụ đầy đủ thì không thể có một tiêu chí chung, việc xây dựng tiêu chí ra sao quá khó đối với những vấn đề còn mới mẻ thuộc lĩnh vực chuyên sâu về khoa học kỹ thuật để áp dụng quy định hiện hành về trách nhiệm sản phẩm. Hơn nữa, những khuyết tật trong quá trình chế tạo có thể dự liệu được đối với những chương trình lập ra hay không? Là tiền đề để xác định có hay không nghĩa vụ cảnh báo, chỉ dẫn. Vậy, nếu trước đó không dự liệu được thì chắc chắn không thể cảnh báo những sự cố ngoài dự liệu do vậy cũng không đặt ra vấn đề khuyết tật về cảnh báo, chỉ dẫn đối với sản phẩm AI [3].

- Về cơ chế miễn trừ TNBTTHNHĐ

Như chúng ta biết, Luật BVQLNTD trong hệ thống pháp luật Việt Nam hay Luật trách nhiệm sản phẩm trong hệ thống pháp luật của một số nước, TNBTTHNHĐ luôn đặt trong mối tương quan với khái niệm “rủi ro phát triển”. Do vậy, song song với trách nhiệm nghiêm ngặt luôn tồn tại quy định liên quan đến miễn trừ TNBTTHNHĐ đối với nhà sản xuất. Cụ thể, khi nhà sản xuất chứng minh được “khuyết tật của

hàng hoá không thể phát hiện được với trình độ khoa học, kỹ thuật tại thời điểm tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá cung cấp” thì nhà sản xuất được miễn trừ TNBTTHNHĐ (Điều 24 Luật BLQLNTD). Song liên quan đến sản phẩm AI thì việc khoa học công nghệ có phát triển kịp để nhận biết được khuyết tật sản phẩm hay không hiện nay phụ thuộc vào chính những nhà thiết kế, lập trình AI hơn là một góc nhìn khách quan và khi họ phủ nhận khả năng dự báo khuyết tật thì người tiêu dùng khó có thể chứng minh được dưới trình độ khoa học hiện hành phải biết và buộc phải biết có khuyết tật và hệ quả cho dù sản phẩm có khuyết tật thì người tiêu dùng cũng khó có thể yêu cầu nhà sản xuất bồi thường thiệt hại. Do vậy, đối với sản phẩm AI cơ chế miễn trừ trách nhiệm có khả năng được áp dụng thái quá và qua đó gián tiếp ngăn cản chức năng của BTTHNHĐ dựa trên nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt.

Vậy, có thể nhận định rằng TNBTTHNHĐ dựa trên pháp luật về trách nhiệm sản phẩm hiện hành khó có thể được áp dụng thoả đáng đối với trường hợp BTTHNHĐ do sản phẩm có trình độ khoa học ngày càng cao gây ra.

3. Vai trò của các cơ chế hỗ trợ đồng hành trong trường hợp áp dụng trách nhiệm BTTHNHĐ không dựa trên lỗi và thách thức đối với Việt Nam

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đem lại những tiến bộ, giảm thiểu những rủi ro có nguyên nhân từ con người gây ra. Tuy nhiên không thể khẳng định Cách mạng Công nghiệp 4.0 không mang lại những tiềm ẩn mới về rủi ro mà từ trước chưa dự liệu được từ góc nhìn xã hội, kinh tế, pháp luật. Như phân tích ở trên thấy rõ, đối với sản phẩm kỹ thuật cao có sử dụng AI, việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt dường như không thực hiện được chức năng của chế định BTTHNHĐ với mục đích bù đắp thiệt hại cho người bị hại. Việc áp dụng trách nhiệm không lỗi, cụ thể không áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp khoa học kỹ thuật không phát hiện ra khuyết tật, cũng như không

cần thiết liệt kê chi tiết khuyết tật của sản phẩm là dạng khuyết tật gì dần được đề cập đến để thay thế trách nhiệm nghiêm ngặt. Song mặt trái của việc áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại không dựa trên lỗi đó là khả năng đem lại những tác động tiêu cực tới kinh tế xã hội như tâm lý e dè phát triển khoa học kỹ thuật, cũng như đưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống xã hội của các nhà sản xuất. Do vậy, cùng với tiến trình phát triển khoa học công nghệ, khá nhiều đề án cải cách pháp luật liên quan đến các cơ chế hỗ trợ song hành cùng BTTHNHD được đề cập rất nhiều tại các nước có nền kinh tế phát triển như: cơ chế giới hạn trách nhiệm, cơ chế bảo hiểm để phân tán gánh nặng trách nhiệm, cơ chế quỹ hỗ trợ quốc gia³ [6]. Một ví dụ thành công trong việc áp dụng các cơ chế này đồng hành cùng việc áp dụng nguyên tắc trách nhiệm không lỗi đó là pháp luật của Đức. Song cũng phải khẳng định để có thể áp dụng được các cơ chế này, đòi hỏi hệ thống pháp luật BTTHNHD hiện hành được xây dựng bởi một cấu trúc hoàn hảo giữa phần chung và phần riêng với nguyên tắc BTTHNHD từ lý thuyết lỗi. Thêm vào đó hệ thống bảo hiểm cũng được hoàn thiện và ổn định với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Cơ chế bảo hiểm TNBTTHNHD của Đức được áp dụng trực tiếp đối với trường hợp ô tô tự lái (sản phẩm có sử dụng AI). Cụ thể trong mọi trường hợp sản phẩm có khuyết tật, thậm trí trường hợp có khiếm khuyết khác thì thiệt hại của người bị hại đều được bù đắp bởi cơ chế bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Và trong trường hợp nếu công ty bảo hiểm chứng minh được khuyết tật của sản phẩm có thể yêu cầu nhà sản xuất hoàn trả lại cho mình số tiền bồi thường thiệt hại [7]. Với cơ chế này được xem có ưu điểm đó là duy trì sự bình đẳng trong cơ chế bảo hiểm qua đó thực hiện được chức năng phân tán tổn thất, và bảo đảm được năng lực tài chính để bù đắp thiệt hại cho người bị hại.

Tuy nhiên, liên quan đến cơ chế bảo hiểm, ở tự thân cơ chế này vẫn luôn tồn tại nhiều câu hỏi chưa thể giải quyết liên quan đến tính hiệu quả

như: i) Chức năng phân tán thiệt hại như kỳ vọng trên thực tế có được thực hiện hay không? Nghĩa vụ bảo hiểm bắt buộc có đặt ra đối với nhà sản xuất hay không? Nhà sản xuất với tư cách nhà chế tạo máy hay nhà sản xuất với tư cách thiết kế, lập trình AI; ii) Sự phân tách hai tầng bảo hiểm đó là bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện vốn đã tồn tại nhiều chồng chéo và mâu thuẫn trong nội hạt cơ chế chưa có giải pháp trong nhiều trường hợp, thêm vào đó đối với từng sản phẩm AI nên là bảo hiểm tự nguyện hay bảo hiểm bắt buộc,... Vậy, đối với sản phẩm sử dụng khoa học công nghệ cao nói chung, sản phẩm gắn AI nói riêng, cơ chế bảo hiểm thực hiện ra sao đối với từng loại sản phẩm là bài toán không đơn giản để cân bằng lợi ích của các chủ thể, cũng như tạo nền tảng phát triển khoa học kỹ thuật. Do vậy, việc lựa chọn bảo hiểm như một cơ chế hỗ trợ đồng hành đối với sản phẩm sử dụng công nghệ kỹ thuật cao vào áp dụng trách nhiệm không dựa trên lỗi đối với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành đặt ra rất nhiều thách thức.

4. Kết luận

Từ những phân tích trên, chúng ta thấy rõ sự hạn chế, mâu thuẫn, thiếu tính đồng bộ hoá trong hệ thống pháp luật BTTHNHD liên quan đến trách nhiệm sản phẩm không chỉ gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật hiện tại, mà trước nhu cầu của thời đại mới pháp luật về BTTHNHD nói chung, pháp luật về trách nhiệm sản phẩm nói riêng càng bộc lộ rõ những điểm hạn chế. Vậy, một lần nữa yêu cầu đặt ra đối với nhà lập pháp đó là cần nhìn lại tổng thể hệ thống pháp luật về BTTHNHD để xây dựng một mô hình pháp luật phù hợp dựa trên những nguyên lý cơ bản từ phần chung đến phần riêng. Đối với phần riêng, khi điều chỉnh các nội dung liên quan đến các sản phẩm có sử dụng công nghệ cao trong thời đại cách mạng 4.0 như các sản phẩm gắn AI, nhà lập pháp phải nghiên cứu rõ và giải quyết các vấn đề sau:

³ Về cơ chế đồng hành cùng với nguyên tắc trách nhiệm không lỗi tham khảo thêm bài viết về trách nhiệm

không lỗi đối với trường hợp BTTHNHD do năng lượng hạt nhân gây ra.

Thứ nhất: Thực trạng khoa học kỹ thuật tác động tới đời sống xã hội con người ra sao? Mức độ tự trị của trí tuệ nhân tạo đạt tới trình độ thế nào? Để qua đó xác định được TNBTTHNHD trong từng trường hợp phải xây dựng dựa trên nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt hay trách nhiệm không lỗi.

Thứ hai: Đối với trường hợp áp dụng nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt, các điều kiện liên quan tới miễn trừ trách nhiệm phải xây dựng quy định ra sao cho phù hợp và cân bằng lợi ích giữa mục tiêu kích thích tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển nghiên cứu, áp dụng đưa khoa học kỹ thuật vào đời sống, đồng thời vẫn duy trì được chức năng cơ bản của pháp luật BTTHNHD đó là bù đắp thiệt hại.

Thứ ba: Trong những trường hợp thấy rằng cần phải áp dụng nguyên tắc trách nhiệm không dựa trên lỗi, các nhà lập pháp phải nghiên cứu kỹ lưỡng các cơ chế hỗ trợ song hành. Mục tiêu xây dựng pháp luật luôn phải đảm bảo yêu cầu hiệu quả hoá chức năng của pháp luật BTTHNHD, song không cản trở sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

- [1] V. Harpwood, *Modern Tort Law* (Seventh Edition), Routledge-cavendish, 2009.
- [2] X. Li, J. Jin, *Concise Chinese Tort Laws*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg, 2019.
- [3] M. Yoshioka, *Discussion about Product Liability and Risk Management of Products with Artificial Intelligence-using Trolley Problem as an Example*, The 31st Annual Conference of the Japanese Society for Artificial Intelligence, 2017.
- [4] K. Atsumi, *Automatic Driving and Dealer-Manufacturer's liability*, *Jurist*, No. 1501, 2017.
- [5] H. Itou, *On Civil Liability of Artificial Intelligence*, *The journal of The faculty of Law*, No. 206, 3/2016.
- [6] N. T. P. Cham, *Bồi thường thiệt hại do năng lượng hạt nhân gây ra dưới góc nhìn pháp luật so sánh và khuyết nghị cho Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Chuyên san Luật học*, Vol.37, No. 4, 2021.
- [7] K. Kyoko, *German Situation Surrounding Automatic Driving and Civil liability*, *Jurist* No. 1501, 1/2017.